

XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP GẮN KẾT – GIẢI PHÁP QUẢN LÝ LỚP HỌC ĐỒNG SINH VIÊN QUA TƯƠNG TÁC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Phan Thị Lan

Trường Đại học Phú Yên

Email: lanphantl.pyu@gmail.com

Ngày nhận bài: 05/01/2026; Ngày nhận đăng: 05/05/2026

Tóm tắt

Trong bối cảnh chuyển đổi số và xu hướng đại chúng hóa giáo dục đại học, quy mô lớp học ngày càng gia tăng đã đặt ra nhiều thách thức đối với công tác quản lý lớp học và nâng cao hiệu quả giảng dạy. Bài báo tập trung phân tích những khó khăn trong quản lý lớp học quy mô lớn tại Trường Đại học Phú Yên, đồng thời nhấn mạnh vai trò của công nghệ số, các nền tảng tương tác thời gian thực và trí tuệ nhân tạo trong việc hỗ trợ quản lý và tăng cường sự tham gia của sinh viên. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp thực tiễn và khả thi nhằm xây dựng môi trường học tập tích cực, gắn kết, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong bối cảnh giáo dục đại học hiện đại.

Từ khóa: *Quản lý lớp học; lớp học quy mô lớn; chuyển đổi số; trí tuệ nhân tạo (AI); tương tác giảng dạy; giáo dục đại học.*

Building an engaging learning environment - a solution for managing large-scale classrooms through interaction at Phu Yen University

Phan Thi Lan

Phu Yen University

Email: lanphantl.pyu@gmail.com

Received: 05/01/2026; Accepted: 05/05/2026

Abstract

In the context of digital transformation and the massification of higher education, the increasing size of university classes has posed significant challenges to classroom management and teaching effectiveness. This paper analyzes the challenges of managing large-scale classes at Phu Yen University and highlights the role of digital technologies, real-time interactive platforms, and Artificial Intelligence (AI) in supporting classroom management and enhancing student participation. Based on this analysis, the study proposes several practical and feasible solutions to foster active and connected learning communities, improve lecturer–student interaction, and enhance training quality in the context of modern higher education.

Keywords: *Classroom management; large-scale classes; digital transformation; Artificial Intelligence (AI); teaching interaction; higher education.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và mục tiêu đại trà hóa giáo dục đại học, quy mô các lớp học tại các trường đại học đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ. Sự gia tăng số lượng sinh viên trong mỗi giảng đường thường dao động từ 80 đến hơn 150 người đã trở thành một thực tế phổ biến tại các trường đại học công lập và tư thục. Tuy nhiên, sự tăng trưởng về quy mô này đang đặt ra một thách thức tỉ lệ nghịch với chất lượng quản lý và hiệu quả giảng dạy.

Thực tế giảng đường cho thấy, quy mô lớp học càng lớn thì khoảng cách tâm lý giữa giảng viên và sinh viên càng bị nới rộng. Giảng viên thường rơi vào tình trạng thuyết giảng một chiều do áp lực phải bao quát khối lượng kiến thức lớn trong thời gian ngắn. Ngược lại, sinh viên dễ dàng rơi vào trạng thái ỉn danh hóa trong đám đông, dẫn đến hiện tượng xao nhãng, thụ động và thiếu động lực tham gia vào bài học. Hệ quả là môi trường học tập trở nên rời rạc, thiếu sự gắn kết, làm giảm sút nghiêm trọng mục tiêu phát triển tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề của người học.

Các biện pháp quản lý lớp học dựa trên kỷ luật hành chính hoặc điểm danh thủ công đã không còn phù hợp với thể hệ sinh viên Gen Z và Gen Alpha, những người đòi hỏi sự linh hoạt, sáng tạo và tính ứng dụng cao. Quản lý lớp học trong kỷ nguyên số cần chuyển dịch từ kiểm soát hành vi sang thúc đẩy sự gắn kết tự thân. Sự bùng nổ của các nền tảng tương tác thời gian thực và trí tuệ nhân tạo đã mở ra cơ hội chưa từng có để cá nhân hóa việc học ngay trong một tập thể lớn. Việc nghiên cứu cách tích hợp các công cụ này vào quản lý lớp học không chỉ giúp giảng viên giảm bớt áp lực điều hành mà còn tạo ra không gian tiếng nói cho mọi sinh viên, kể cả những người rụt rè nhất. Mặc dù các phương pháp dạy học tích cực đã được nhắc đến nhiều, nhưng việc áp dụng chúng một cách hệ thống vào bài toán quản lý lớp đông vẫn còn rời rạc và chưa phát huy hết hiệu quả.

Từ những lý do trên, bài báo này được thực hiện nhằm đề xuất một số giải pháp thực tiễn, có tính khả thi, giúp cải biến những giảng đường quy mô lớn thành những cộng đồng học tập gắn kết và năng động, rút ngắn khoảng cách tương tác giữa người dạy và người học, hướng tới xây dựng một môi trường đại học hiện đại ở Trường Đại học Phú Yên, nơi mà số lượng sinh viên không còn là rào cản của chất lượng đào tạo.

2. Nội dung

2.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận của việc xây dựng môi trường học tập gắn kết, tương tác trong lớp học đông sinh viên

2.1.1. Các khái niệm có liên quan

a. Môi trường học tập gắn kết

Theo các nghiên cứu giáo dục hiện đại, môi trường học tập gắn kết không chỉ dừng lại ở cơ sở vật chất mà là sự tổng hòa của các yếu tố tâm lý, xã hội và công nghệ. Đó là nơi sinh viên cảm thấy an toàn, được tôn trọng và có động lực nội tại để tham gia vào quá trình kiến tạo tri thức. Sự gắn kết được thể hiện: gắn kết về mặt nhận thức, gắn kết về mặt cảm xúc thái độ và gắn kết về mặt hành vi tham gia tương tác.

b. Quản lý lớp học đông sinh viên

Lớp học đông trong môi trường đại học thường được định nghĩa là những lớp có sĩ số vượt quá khả năng tương tác trực tiếp cá nhân giữa giảng viên và từng sinh viên (thường từ 80 sinh viên trở lên). Quản lý lớp học đông không đơn thuần là duy trì trật tự, mà là nghệ thuật tổ chức các hoạt động để tăng cường sự tập trung và giảm thiểu sự phân tán của người học.

c. Tương tác trong dạy học

Khái niệm tương tác trong dạy học được hiểu là sự tác động qua lại giữa các chủ thể hành động, các thành phần trong một hệ thống hoặc giữa các hệ thống (Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Cẩm Thanh, 2015). Sự tương tác có cấu trúc cơ bản là sự tác động, phản ứng của các chủ thể tham gia tương tác.

Theo Phạm Quang Tiệp (2013), tương tác trong dạy học là những mối tác động qua lại chủ yếu giữa người dạy, người học và môi trường, đó là sự giao tiếp tích cực giữa các chủ thể của hoạt động dạy nhằm thực hiện chức năng dạy học, được hoạch định, tổ chức và điều khiển theo đường hướng sư phạm bởi nhà giáo dục, hướng vào việc phát triển nhận thức và năng lực cho người học.

Nguyễn Văn Cường và Nguyễn Cẩm Thanh (2015) cho rằng, tương tác trong dạy học là sự tác động qua lại giữa các chủ thể là người dạy, người học và đối tượng dạy học cũng như toàn bộ các thành phần của quá trình dạy học. Như vậy, khi nói đến tương tác trong dạy học suy cho cùng đều nhấn mạnh đến mối quan hệ tác động cốt lõi và chủ yếu nhất của quá trình dạy học là hai chủ thể của hoạt động dạy và hoạt động học. Từ đó làm cho các thành tố khác của quá trình dạy học cũng vận hành theo.

Khác với việc truyền thụ một chiều, tương tác đòi hỏi sự tham gia chủ động của người học và sự điều phối của người dạy. Trong kỷ nguyên giáo dục số, tương tác không chỉ giới hạn ở lời nói trực tiếp mà còn mở rộng sang các hình thức tương tác kỹ thuật số, nơi dữ liệu và hành vi của sinh viên được ghi nhận và phản hồi theo thời gian thực.

Theo Từ điển Tiếng Việt, thời gian thực được hiểu là khả năng xử lý, phản hồi và hiển thị thông tin gần như ngay lập tức, với độ trễ cực thấp ngay khi sự việc hoặc dữ liệu vừa phát

sinh (Nguyễn Như Ý, 1996). Để dễ hình dung, có thể hiểu thời gian thực qua ba khía cạnh chính trong giáo dục số ở một lớp học đồng sinh viên như sau:

- *Phản hồi tức thì*: Khi giảng viên đưa ra một câu hỏi trên nền tảng công nghệ, sinh viên bấm chọn đáp án trên điện thoại. Chỉ mất 1-2 giây, biểu đồ tỉ lệ câu trả lời hiện lên màn hình máy chiếu. Đó là tương tác thời gian thực. Giảng viên không cần đợi đến lúc chấm bài mới biết sinh viên có hiểu bài hay không.

- *Sự đồng bộ hóa dữ liệu*: Trong các lớp học đồng, việc thảo luận nhóm có thể diễn ra trên các nền tảng công nghệ, khi một sinh viên gõ chữ ở cuối lớp, giảng viên và các bạn khác có thể nhìn thấy từng con chữ đó xuất hiện trên màn hình chung ngay tại thời điểm đó. Mọi người đang làm việc trên cùng một dòng chảy thời gian.

- *Sự hiện diện đồng thời*: Trong quản lý lớp học, thời gian thực còn thể hiện ở việc điểm danh hoặc kiểm soát hành vi: Điểm danh thời gian thực: Sinh viên quét mã QR tại chỗ, hệ thống cập nhật danh sách hiện diện ngay lập tức lên máy tính giảng viên; Hỏi đáp thời gian thực: Sinh viên có thể gửi câu hỏi vào một hộp thư trực tuyến trong lúc giảng viên đang nói, giảng viên có thể liếc nhanh màn hình và trả lời ngay mà không cần đợi đến cuối giờ.

2.1.2. Bản chất của tương tác trong dạy học

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, các nhà tâm lý học mácxít đã chủ trương:

- (1) Con người là tồn tại xã hội, lịch sử, tồn tại lý trí, có tình cảm, tồn tại lao động;
- (2) Hành vi và tâm lý của con người được xem xét trong quá trình hoạt động;
- (3) Hoạt động là chìa khóa để tìm hiểu, đánh giá, hình thành và điều khiển quá trình phát triển tâm lý của con người;

(4) Ý thức được sản xuất ra bởi các mối quan hệ xã hội giữa con người với thế giới xung quanh. Ý thức được tạo bởi tồn tại xã hội, tức là cuộc sống thực, các quan hệ thực của con người và chính ý thức là thành tố của cuộc sống đó, quan hệ đó. Hoạt động và giao tiếp có vai trò quyết định trong việc hình thành tâm lý, ý thức, nhân cách và ngôn ngữ ở con người.

Lev Vygotsky dựa trên chính tư tưởng tương tác xã hội và lý thuyết văn hóa trong khoa học phát triển con người của mình đã đề xướng quan niệm về Vùng cận phát triển – có một vị trí nền tảng trong dạy học và giáo dục. Ông cho rằng, *học tập tức là tương tác với môi trường, dạy học tức là can thiệp vào kinh nghiệm thường trực ở người học thuộc Vùng phát triển trí tuệ gần nhất*. (Bùi Minh Hiền, Nguyễn Quốc Trị, 2016). Vùng cận phát triển là khái niệm chỉ khu vực kinh nghiệm cá nhân nằm giữa trình độ phát triển tiềm tàng được đặc trưng bằng năng lực giải quyết vấn đề có sự hỗ trợ từ môi trường bên ngoài và trình độ phát triển hiện tại, năng lực vừa mới hình thành, năng lực này sẽ giúp người học tiến tới giải quyết vấn đề một cách độc lập.

Trong quá trình dạy học, người dạy phải tôn trọng vốn sống, kinh nghiệm, những năng lực tiềm tàng ở người học. Người học dù học ở lớp tiểu học hay đại học đều có đặc điểm tâm lý chung là chỉ tích cực giải quyết nhiệm vụ học tập khi thầy giáo yêu cầu và ai cũng muốn được thầy khen ngợi. Do vậy, giảng viên phải biết đặt sinh viên của mình vào đúng vị trí của họ trong các nhiệm vụ học tập có vấn đề để kích thích nhu cầu giải quyết ở các em. Sự tương tác tích cực khi có các tác động và phản ứng tích cực, từ đó tạo nên tính chủ động, tự giác, năng lực tự học độc lập ở người học.

2.1.3. Các mối quan hệ tương tác trong dạy học

a. Quan hệ tương tác qua lại giữa người dạy và người học

Tương tác giữa người dạy và người học là một trong những mối quan hệ tương tác chủ đạo và phổ biến trong quá trình dạy học. Chúng có chức năng chính trong việc thúc đẩy hoạt động dạy học theo mục tiêu đã định. Đồng thời là phương tiện hữu hiệu để cả người dạy và người học cùng điều chỉnh hoạt động của bản thân. Biểu hiện:

- *Người dạy tác động đến người học bằng cách đáp lại các tác động từ phía người học*, người dạy tác động đến người học bằng các thông tin như nhiệm vụ học tập, câu hỏi, bài tập, câu trả lời, các thông tin phụ, lời động viên, khen ngợi hay bằng hội thoại trao đổi với người học về vấn đề người học quan tâm để họ nắm bắt ý nghĩa thông tin tốt hơn và những lời

khuyến khích cho những định hướng tiếp theo của mình. Bằng phương pháp sư phạm, người dạy tác động đến người học thông qua những gợi ý về hướng đi, chỉ ra các phương pháp và phương tiện cần sử dụng để người học đạt được các mục tiêu học tập đề ra. Đôi khi người dạy cũng tạo ra những chướng ngại vật để gia tăng cơ hội hoạt động và học tập cho người học.

- *Người học tác động đến người dạy* thông qua hoạt động học, phương pháp và cách thức học của mình, tác động đến người dạy bằng hệ thống thông tin dưới dạng câu trả lời, câu hỏi, sản phẩm của hoạt động học, lời bình luận hoặc bằng hệ thống phi ngôn ngữ như thái độ, cử chỉ, ánh mắt, nét mặt thể hiện qua sự thông hiểu hay chưa hiểu nội dung bài học, đồng tình, thích thú, tâm đắc với lời giảng của thầy, nội dung kiến thức thu được có ý nghĩa thiết thực hay nghi ngờ về các giả thuyết khoa học đặt ra.

Thông qua mối quan hệ tương tác này sẽ giúp người học luôn tìm được niềm tin và sự nâng đỡ từ phía người dạy, tăng cường xây dựng và duy trì hoạt động học tập, củng cố động cơ và duy trì hứng thú học tập, có cơ hội và điều kiện phát triển khả năng tìm tòi, khám phá, biết làm sáng tỏ hay gạt bỏ ý tưởng. Từ đó, người học tích lũy tri thức cho bản thân, tích cực tham gia học tập, phát triển khả năng giao tiếp, xây dựng mối quan hệ và sự gắn kết giữa những bạn học với nhau.

b. Quan hệ tương tác giữa người học và người học

Tương tác giữa người học và người học trong dạy học khác biệt với các kiểu tương tác khác, trước hết đó là tương tác bên trong, giữa các chủ thể người học với nhau và có cùng một chức năng là học tập. Xét về trình độ tương tác mà người học tham gia trong quá trình học tập, có thể phân thành ba giai đoạn từ thấp đến cao:

(1) Giai đoạn ban đầu người học thường tiến hành các tương tác với đối tượng vật chất bên ngoài môi trường. Lúc này người học sử dụng các giác quan để tác động vào đối tượng, những hành động vật chất này của người học làm cho đối tượng bộc lộ những dấu hiệu, bản chất, quy luật hay xu thế vận động và chiếm lĩnh chúng.

(2) Tiếp đến là người học tương tác với thầy, với bạn học để chia sẻ và trao đổi nhằm chính xác hóa và sáng tỏ những nhận thức ban đầu. Khi đó, tính cá nhân trong nhận thức đã giảm nhiều, tri thức mới mang tính khách quan và khoa học hơn.

(3) Giai đoạn cuối cùng của một chu trình nhận thức là người học tương tác với chính bản thân mình hay tương tác nội tâm để suy xét lại vấn đề, tiến hành các thao tác tư duy như phân tích, tổng hợp, đánh giá để nhận thức vấn đề học tập một cách đầy đủ và sâu sắc hơn. Chính tương tác này đưa người học phát triển lên một trình độ mới, tạo tiền đề cho sự sáng tạo trong quá trình học tập.

Quan hệ tương tác này có ý nghĩa lớn nhất trong việc phát triển người học như nhận định của Lev Vygotsky “*Hoạt động bên trong của người học được kích thích và thức tỉnh nhờ vào sự trợ giúp, cộng tác của người lớn hay bạn bè*”. (Phạm Quang Tiệp, 2013). Hay như J.A.Comenxki khẳng định “*Người học sẽ có lợi từ việc dạy cũng như học từ bạn bè mình*” (Bùi Minh Hiền, Nguyễn Quốc Trị, 2016). Như vậy, tương tác giữa người học – người học trong dạy học được hiểu là quá trình giao tiếp nhằm trao đổi lẫn nhau về mặt thông tin, ý tưởng, quan điểm, tình cảm ở bên trong và giữa các chủ thể người học với nhau nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ học tập.

c. Quan hệ tương tác giữa người dạy, người học và môi trường dạy học

Môi trường dạy học ở đây được xem xét một cách toàn diện, đó là tất cả những yếu tố bên trong và bên ngoài người dạy và người học, có tác động, ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp lên hoạt động dạy học. Theo hướng tiếp cận tổng thể, môi trường xung quanh tác động tới người học, người dạy và hoạt động của họ trên những phương diện sau:

- Tác động từ phía bên ngoài chủ thể của hoạt động dạy học, bao gồm: môi trường vật chất, công nghệ số, bạn học, gia đình, nhà trường, xã hội.
- Tác động từ phía bên trong chủ thể, bao gồm: tiềm năng, vốn sống, hứng thú, nhân cách.

Trong phạm vi ảnh hưởng của mình, người dạy có thể tạo lập môi trường dạy học hiệu quả thông qua việc thiết kế và tổ chức các tình huống dạy học. Đặng Thành Hưng (2005) cho rằng: “*Người dạy có trách nhiệm tổ chức và có vai trò quyết định chất lượng của môi trường*

học tập thông qua các tình huống dạy học được tạo ra ở bên ngoài cả người dạy lẫn người học”. Xem xét môi trường dưới góc độ tình huống, hoàn cảnh có vấn đề. Đây chính là các nhiệm vụ học tập – nhận thức đặt ra cho bản thân chủ thể của hoạt động học. Nhiệm vụ học tập là những yêu cầu, đòi hỏi từ môi trường bên ngoài và người học có nhiệm vụ tìm kiếm, lựa chọn những điều kiện, phương tiện cần thiết để giải quyết nhiệm vụ học tập của mình. Tất cả được người dạy dự tính, cân nhắc kỹ lưỡng và chuẩn bị trước cho người học tiến hành.

2.1.3. Vai trò của tương tác trong quản lý lớp học đông sinh viên

Trong quản lý lớp học đông sinh viên tại các trường đại học, tương tác không chỉ là hoạt động giao tiếp mà còn là một công cụ quản lý lớp học hiệu quả của quá trình dạy học.

- Ở các lớp học lớn với các học phần đại cương, lớp ghép, sinh viên thường có tâm lý ỉn dạnh, dẫn đến sự thờ ơ và thiếu trách nhiệm trong học tập trên lớp. Tương tác thường xuyên (qua việc gọi tên ngẫu nhiên, hỏi đáp nhanh) giúp sinh viên cảm thấy mình đang được quan tâm và ghi nhận; biến lớp học đông sinh viên thụ động thành những cá nhân có trách nhiệm và tích cực với hoạt động học tập của mình.

- Thách thức lớn nhất của lớp học đông là giảng viên không biết sinh viên có hiểu bài hay không cho đến khi có kết quả thi. Tương tác qua các nền tảng như ClassPoint hoặc Kahoot đóng vai trò là công cụ hỗ trợ đắc lực cho giảng viên. Giảng viên nhận được phản hồi ngay lập tức về mức độ hiểu bài của sinh viên, từ đó điều chỉnh tốc độ giảng dạy kịp thời thay vì đợi đến cuối quá trình dạy học.

- Quản lý lớp học đông bằng biện pháp truyền thống điểm danh thường mất thời gian và gây căng thẳng. Tương tác tạo ra sự gắn kết hành vi, khi sinh viên bận rộn với các hoạt động tương tác (thảo luận nhóm, trả lời nhanh), họ không còn thời gian để làm việc riêng hay gây mất trật tự. Chuyển đổi từ quản lý bằng quyền lực sang quản lý bằng sự lôi cuốn, quản lý bằng ứng dụng nền tảng công nghệ số sẽ duy trì kỷ luật tự giác thông qua sự gắn kết và tăng tính tích cực hoạt động học tập ở sinh viên.

- Giảng viên không thể hỗ trợ từng cá nhân trong lớp có cả 100 sinh viên. Tương tác giữa sinh viên - sinh viên chuyển hóa lớp học thành các nhóm nhỏ. Sinh viên giỏi hỗ trợ sinh viên yếu, tạo ra mạng lưới hỗ trợ đồng đẳng. Điều này giảm tải áp lực giải đáp cho giảng viên và tăng cường cho người học sự hiểu biết sâu sắc về nội dung bài học.

2.2. Nghiên cứu cơ sở thực tiễn của việc xây dựng môi trường học tập gắn kết, tương tác trong lớp học đông sinh viên

Để tìm hiểu thực trạng hoạt động học tập ở các lớp học đông sinh viên, chúng tôi thực hiện nghiên cứu trên 324 sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai hệ chính quy, trình độ đào tạo đại học ở trường Đại học Phú Yên thuộc các lớp: Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Sư phạm Toán, Sư phạm văn, Sư phạm Tiếng Anh. Số sinh viên này được phân theo các lớp ghép học các môn chung (ví dụ học phần Tâm lý học đại cương). Chúng tôi tiến hành khảo sát năm vấn đề chủ yếu về hoạt động học tập tại các lớp đông sinh viên số lượng từ 60 trở lên, kết quả khảo sát được xử lý số liệu theo thống kê tính phần trăm, hệ thống thứ bậc và có những nhận xét cơ bản như sau:

- a. Sinh viên nhận thức đúng về ý nghĩa của hoạt động học tập trên lớp, coi đây là nhiệm vụ chính và diễn ra thường xuyên của sinh viên khi học ở trường đại học (71,4%); chưa chủ động trong giờ học, phân tán thiếu tập trung và làm việc riêng trong giờ học (22,1%). Có một số sinh viên cảm thấy mệt mỏi, uể oải, ỉn dạnh trong lớp học đông sinh viên (6,5%).

- b. Sinh viên chưa ý thức được việc xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân (32,7%). Mặc dù các em nhận thức rõ hoạt động này là nhiệm vụ chính của mình khi học ở đại học. Nhưng bản thân không chủ động, tự giác và không tự sắp xếp cho mình một thời khóa biểu học tập. Sinh viên thường để thời gian tự học của mình trôi đi một cách lãng phí, không biết tự học bù lại những khoảng thời gian đã mất. Sinh viên cảm thấy khó khăn khi thiếu hướng dẫn của giảng viên (32,7%).

- c. Sinh viên dành thời gian cho hoạt động tự học mỗi ngày rất ít, thường xuyên không được 1 giờ và dưới 2 giờ (38,3%) và chỉ có 12,77% sinh viên dành từ 3 - 4 giờ cho tự học. Sinh viên không thiếu thời gian dành cho tự học và đây không phải là khó khăn lớn nhất đối với hoạt

động tự học của sinh viên. Như vậy, sinh viên chưa chú trọng đầu tư thời gian cho tự học, điều này dẫn đến tình trạng thụ động của sinh viên khi tham gia học tập trên lớp.

d. Đánh giá của sinh viên về hoạt động học tập trên lớp hiện nay: Sinh viên chưa tự giác, tích cực, thường xuyên xem điện thoại, nói chuyện, có khi ngủ trong giờ học, nhất là khi học ở các lớp ghép, đông sinh viên sẽ có cơ hội làm việc riêng mà giảng viên không hề hay biết. Kết quả khảo sát từ phiếu điều tra có 18,35% sinh viên phân tán thiếu tập trung nhất là các học phần chung, đại cương học ở lớp ghép.

e. Ý kiến của sinh viên về tổ chức hoạt động giảng dạy của giảng viên có ảnh hưởng đến hoạt động học tập tại lớp của sinh viên. Những hoạt động giảng viên tổ chức rất được sinh viên quan tâm và sắp xếp theo thứ bậc như sau: (1) Hướng dẫn, tổ chức thảo luận, vận dụng thời gian thực tại lớp; (2) Tăng cường và giao nhiệm vụ cho sinh viên về nhà chuẩn bị, đến lớp trình bày; (3) Cần thuyết trình, giảng giải; (4) Nhận xét, đánh giá quá trình nỗ lực tham gia học tập tại lớp; (5) Hướng dẫn ôn tập, giao nhiệm vụ học tập sau mỗi buổi học; (6) Giới thiệu đề cương chi tiết học phần, tài liệu học tập trước khi vào học.

2.3. Giải pháp quản lý lớp học đông sinh viên qua xây dựng môi trường học tập gắn kết, tương tác trong quá trình dạy học ở Trường Đại học Phú Yên

Một số căn cứ để xây dựng môi trường học tập gắn kết, tương tác trong các lớp học đông sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ở Trường Đại học Phú Yên:

- Sự phát triển của khoa học kỹ thuật và các nền tảng công nghệ số, sự bùng nổ thông tin làm cho khối lượng tri thức khoa học của các môn học ngày càng nhiều nhưng thời gian lại có hạn.
- Sự đầu tư về trang thiết bị dạy học, đặc biệt là sự phổ biến của các ứng dụng công nghệ số trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong kỷ nguyên vươn mình của đất nước.
- Căn cứ chủ yếu qua khảo sát thực tế bằng phiếu điều tra với 324 sinh viên hệ chính quy trình độ đào tạo đại học năm thứ nhất và năm thứ hai ở Trường Đại học Phú Yên.

Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp cơ bản như sau:

2.3.1. Phát triển quan hệ gắn kết, tương tác trong tạo dựng môi trường dạy và học

- Cần đảm bảo các yêu cầu cơ bản về cơ sở vật chất như phòng học, ánh sáng, âm thanh, giáo trình, tài liệu, phương tiện công nghệ dạy học.
- Ngay buổi học đầu tiên hoạt động dạy học được tiến hành, giảng viên và sinh viên cùng nhau thiết lập mối quan hệ tương tác thông qua nội dung học của từng học phần. Giảng viên và sinh viên cùng làm quen, trao đổi, tìm hiểu để nắm bắt những thông tin cần thiết về nhau như tên giảng viên, cán bộ quản lý lớp, số điện thoại liên hệ, sĩ số lớp, cách học tập ở nhà và ở lớp của sinh viên.
- Giảng viên thông báo cụ thể đến sinh viên về đề cương chi tiết học phần, tài liệu học tập và tham khảo, yêu cầu về cách học, cách làm bài kiểm tra, thực hành, thi kết thúc học phần, mục đích là tạo tâm thế chủ động cho sinh viên trong quá trình học tập.
- Giảng viên phải giao cho sinh viên những nhiệm vụ học tập cần được chuẩn bị cho buổi học tiếp theo, xây dựng các tình huống có vấn đề, việc này làm thường xuyên, có thể liên kết tương tác và trao đổi nội dung bài học qua điện thoại, email, giúp sinh viên có ý thức tự giác và hình thành kỹ năng học tập chủ động, nghiên cứu bài học trước khi đến lớp mỗi ngày.
- Quan hệ tương tác tạo dựng môi trường dạy và học phải là môi trường tin tưởng lẫn nhau, thân thiện, hợp tác, xây dựng bầu không khí tâm lý tốt, lành mạnh và cần được duy trì trong suốt quá trình dạy học trong và ngoài lớp.

2.3.2. Phát triển quan hệ gắn kết, tương tác trong dạy học theo kiểu thuyết trình tích cực

Thuyết trình một chiều kiểu thông báo – thu nhận, nghĩa là đơn thuần truyền đạt kiến thức từ người dạy sang người học, làm sinh viên thụ động, quan hệ tương tác giữa giảng viên và sinh viên hạn chế. Tuy nhiên, thuyết trình kết hợp với việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực sẽ tăng tính chủ động ở người học, quan hệ tương tác giữa thầy và trò trong dạy học được thiết lập và gắn kết.

Một số kỹ thuật dạy học tích cực được phối hợp nhằm tăng cường quan hệ gắn kết, tương tác giữa giảng viên và sinh viên trong quá trình dạy học như: Quản lý và phân phối thời gian cho từng hoạt động dạy học; Xác định trọng tâm nội dung thuyết trình cho sinh viên; Sử

dụng ngôn ngữ nói, viết và hệ thống phi ngôn ngữ; Hỏi – đáp; Thu nhận và xử lý thông tin liên hệ ngược; Giúp người học phối hợp nghe giảng và ghi chép; Đặt vấn đề cho người học suy nghĩ và lời cuốn người học cùng giải quyết vấn đề; Tổ chức cho người học thảo luận, thuyết trình và giao tiếp.

2.3.3. Phát triển quan hệ gắn kết, tương tác theo kiểu hợp tác trong học tập

Theo Lev Vygotsky “Điều người học có thể làm qua hợp tác hôm nay thì họ có thể làm một mình ngày mai” và học tập cùng nhau có thể phát triển được kỹ năng học tập - nhận thức và các kỹ năng xã hội (René Van Der Veer, 2025).

Học tập hợp tác là một định hướng giáo dục, trong đó sinh viên cùng làm việc trong những nhóm nhỏ gồm nhiều sinh viên khác nhau và được xây dựng một cách có tổ chức. Hình thức tổ chức học tập này yêu cầu sự tham gia, đóng góp trực tiếp của sinh viên vào quá trình học tập, đồng thời sinh viên phải làm việc cùng nhau để đạt được kết quả học tập chung.

Sinh viên không chỉ học bằng cách nghe giảng mà còn học bằng cách làm, thực hành. Học tập cùng nhau tạo nên môi trường làm việc hợp tác giữa trò với trò và thầy với trò, sinh viên sẽ là trung tâm của quá trình dạy học và giảng viên không độc chiếm diễn đàn dạy học. Đồng thời hình thức học tập này thể hiện tính dân chủ và dựa trên nguyên tắc tương hỗ. Học tập hợp tác đang được áp dụng có hiệu quả ở tất cả các bậc học và xuất hiện trong nhiều môn học khác nhau. Khi tổ chức cho sinh viên học tập hợp tác theo nhóm, giảng viên cần chú ý:

- Xây dựng các bài tập nhóm bắt buộc sinh viên phải tư duy, tìm ra các cách thức và phương tiện giải quyết một cách sáng tạo.
- Đoàn kết các thành viên trong nhóm và các nhóm trong lớp, tạo sự tin cậy lẫn nhau để cùng hợp tác làm việc.
- Đảm bảo cho tất cả các thành viên trong nhóm đều hoạt động, hoạt động nhóm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân nắm vững kiến thức và kỹ năng của từng môn học.
- Phải quan sát xem người học đã làm việc như thế nào và biết những gì, dạy người học cách đánh giá, cách suy nghĩ, cách lắng nghe và tiếp nhận ý kiến của người khác.
- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên cần dựa vào vốn năng lực, trình độ và thái độ học tập phát triển của từng cá nhân, đồng thời động viên tinh thần trách nhiệm và sự gắn kết giữa các thành viên trong nhóm học tập.
- Phát triển các kỹ năng cho sinh viên qua việc tổ chức đa dạng các hoạt động học tập nhóm: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng điều hành quản lý nhóm, kỹ năng đóng vai, kỹ năng phỏng vấn, hỏi chuyên gia.

2.3.4. Phát triển quan hệ gắn kết, tương tác giữa sinh viên với tài liệu học tập

Nét đặc thù trong hoạt động học của sinh viên là yêu cầu cao đối với nhiệm vụ học tập, tự nghiên cứu trên cơ sở tư duy độc lập. Bản chất của quá trình dạy học suy cho cùng là giúp người học tự làm việc và nghiên cứu với tài liệu học tập. Điều này đã được thể chế hóa trong Luật giáo dục 2005 (sửa đổi 2009) như sau: “*Phương pháp đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ đại học phải coi trọng việc bồi dưỡng ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, tạo điều kiện cho người học tham gia nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng.*”

Để thực hiện hoạt động học tập chủ động, sinh viên bắt buộc phải thực hiện phương pháp học qua đọc tài liệu. Đọc tài liệu giúp người học mở rộng, đào sâu tri thức, nảy sinh các ý tưởng mới, tăng cường tính tích cực học tập, bồi dưỡng cho sinh viên hứng thú học tập qua sách, năng lực làm việc độc lập với tài liệu học tập. Tùy từng nhiệm vụ học tập, giảng viên sẽ hướng dẫn sinh viên nghiên cứu tài liệu theo những cách khác nhau:

- *Sắp xếp tài liệu để tạo ra hình thức mới*: Yêu cầu sinh viên xây dựng đề cương cho nội dung tài liệu, sau đó đọc để lựa chọn và sắp xếp tài liệu theo những căn cứ cụ thể nào đó.
- *Đọc để tìm kiếm thông tin*: Yêu cầu sinh viên đọc và xác định thông tin cụ thể nào đó trong tài liệu học tập.
- *Đọc để nhận xét*: Yêu cầu sinh viên đọc, nghiên cứu tài liệu bằng tư duy phân biện: Quan điểm của tác giả là gì, tác giả biện luận như thế nào, những ai đã bình luận về quan điểm này.

- *Trình bày lại*: Yêu cầu sinh viên làm việc theo nhóm và đọc nhiều tài liệu trong cùng một chủ đề, sau đó trình bày lại trước tập thể lớp. Sinh viên có thể tận dụng tất cả các hình thức và phương tiện trình bày sao cho phù hợp với năng lực của bản thân. Giảng viên cần hướng dẫn sinh viên cách phân tích tài liệu, dự kiến các ý kiến phản hồi của các sinh viên khác để chuẩn bị phương án bảo vệ ý kiến của cá nhân hoặc của nhóm.

- *Thảo luận*: Yêu cầu sinh viên đọc và chuẩn bị tài liệu để thảo luận tại lớp. Giảng viên đưa ra vấn đề, yêu cầu mọi sinh viên phải đọc các tài liệu liên quan với những câu hỏi gợi ý như, chẳng hạn: các tác giả bàn về vấn đề này như thế nào, luận điểm nào thuyết phục hơn, phương pháp thực hiện như thế nào là tối ưu, sẽ có những ý kiến phản bác như thế nào. Trong các nhiệm vụ đọc tài liệu thì đây là nhiệm vụ khó khăn nên cần có nhiều thời gian cho sinh viên tự học và cần có sự hướng dẫn chu đáo về cách đọc cũng như tài liệu cần đọc cho sinh viên.

- *Đọc để làm bài tập lớn, tiểu luận, đề tài, khóa luận*: Mục đích chủ yếu của những dạng bài tập này là tạo điều kiện, cơ hội giúp sinh viên tập dượt xây dựng đề cương, lập kế hoạch, hình thành các kỹ năng giải quyết vấn đề và thái độ độc lập trong nghiên cứu khoa học.

- *Đọc tài liệu để tìm kiếm những thông tin cần thiết, hấp dẫn*: Giảng viên nên gợi ý, giới thiệu một phần về những vấn đề, trừu tượng, hấp dẫn trong các nội dung cần đọc, nghiên cứu ở các bài học có nội dung liên quan tiếp theo sẽ tiếp tục đề cập đến và kiểm tra kết quả đọc, tự nghiên cứu của sinh viên.

2.3.5. *Phát triển quan hệ gắn kết, tương tác dựa trên ứng dụng nền tảng công nghệ số*

Với xu thế phát triển của thời đại công nghệ số, để quản lý và giảng dạy ở các lớp học đông sinh viên, giảng viên phải kết nối và ứng dụng một số nền tảng công nghệ số như Mentimeter, ClassPoint, Kahoot,... Việc sử dụng công nghệ số (chẳng hạn Mentimeter) trong giảng dạy lớp đông không chỉ là một xu hướng công nghệ mà còn dựa trên các nền tảng khoa học giáo dục vững chắc như:

- Hiện thực hóa lý thuyết của Jean Piaget và Lev Vygotsky, nơi người học không chỉ tiếp thu thụ động mà chủ động xây dựng kiến thức thông qua tương tác. Khi sinh viên trả lời câu hỏi và thấy được kết quả của mình trên màn hình, họ đang kết nối kiến thức mới với những gì đã biết.

- Trong lớp đông sinh viên, giảng viên khó biết ai hiểu bài, ai không, ứng dụng công nghệ sẽ tạo ra một vòng lặp phản hồi ngay lập tức, cho phép giảng viên điều chỉnh nội dung dạy học kịp thời dựa trên dữ liệu thực tế.

- Việc cho phép sinh viên tương tác ẩn danh giúp giảm bớt rào cản tâm lý lo sợ bị đánh giá. Điều này thúc đẩy động lực nội tại và sự tự tin, giúp sinh viên cảm thấy mình là một phần của cộng đồng học tập.

- Nền tảng công nghệ số sẽ phá vỡ cấu trúc bài giảng truyền thống bằng cách đan xen các hoạt động tư duy. Theo nghiên cứu, sự tập trung của sinh viên giảm mạnh sau 15-20 phút nghe giảng; các slide tương tác đóng vai trò là điểm nghỉ tích cực để duy trì sự chú ý của sinh viên.

- Lợi ích khi giảng viên sử dụng nền tảng công nghệ số cho lớp học đông sinh viên: Đối với sinh viên: gắn kết và xóa bỏ khoảng cách, mạnh dạn và an toàn đặt câu hỏi, tăng khả năng ghi nhớ nội dung bài học. Đối với giảng viên: Đo lường mức độ hiểu bài của sinh viên tức thì, quản lý lớp học hiệu quả, tiết kiệm thời gian và công sức, thu thập được dữ liệu nghiên cứu cho dạy học.

3. **Kết luận**

Hình thức dạy học lớp - bài được J.A.Comenxki đã khởi xướng từ thế kỷ XVII, đã đặt nền móng cho cấu trúc trường học hiện đại toàn thế giới. Tư tưởng tiên bộ của ông giúp giáo dục trở nên phổ cập và có thể tiếp cận được với số đông người học trong cùng một lớp. Ngày nay với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, ứng dụng các nền tảng công nghệ số cho phép giảng viên giảng dạy nhiều sinh viên cùng một lúc, mang tính hệ thống và hiệu quả hơn. Xây dựng môi trường học tập gắn kết, tương tác trong lớp học đông sinh viên là nhu cầu và nhiệm vụ cần thiết, có ý nghĩa về mặt kinh tế tạo nguồn nhân lực cho xã hội của các trường đại học

trong thời đại kỹ nguyên số. Để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, tác giả xin đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy và nâng cao chất lượng quản lý và dạy học ở các lớp quy mô lớn tại Trường đại học Phú Yên□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Cẩm Thanh (2015). Tương tác trong dạy học và dạy học tương tác. *Tạp chí khoa học Trường Đại học sư phạm Hà Nội*, số 2.
- Bùi Minh Hiền (Chủ biên), Nguyễn Quốc Trị (Tái bản 2016). *Lịch sử giáo dục thế giới*, Nxb Đại học Sư phạm.
- Đặng Thành Hưng (2005). *Tương tác thầy – trò trên lớp học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Đặng Vũ Hoạt (2000). *Lý luận dạy học đại học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- Cao Thị Nga (2016). *Tương tác tâm lý trên lớp học giữa giảng viên và sinh viên ở trường đại học*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học chuyên ngành. Học viện khoa học xã hội Việt Nam.
- Phan Trọng Ngọ (Chủ biên), Dương Diệu Hoa, Nguyễn Thị Mùi (2000). *Tâm lý học hoạt động và khả năng ứng dụng vào lĩnh vực dạy học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- Phạm Quang Tiệp (2013). *Dạy học dựa vào tương tác trong đào tạo giáo viên tiểu học trình độ đại học*. Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục chuyên ngành lý luận và lịch sử giáo dục. Viện Khoa học giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thạc, Phạm Thành Nghị (1992). *Tâm lý học sư phạm đại học*, Nxb Giáo dục.
- Hoàng Sỹ Tương, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Thị Loan (2025). *Chuyển đổi số trong giáo dục*, Nxb Khoa học – công nghệ - truyền thông.
- René Van Der Veer (2025). *Lev Vygotsky: Tương tác xã hội – văn hóa trong giáo dục*, Nxb Tri Thức.
- Nguyễn Như Ý, (1996) *Từ điển Tiếng Việt thông dụng*, Nxb. Giáo dục.